

*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 4956 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:
Tên văn bằng : **Cử nhân Chính trị học**
Tên chương trình : **Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Chính trị học;** Mã số : **7310201**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học công tác trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, khoa giáo có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ đủ rộng và chuyên sâu, có khả năng tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra, quản lý và thực hiện tốt các mặt công tác trong cơ quan tư tưởng, văn hoá, khoa giáo của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang và các cơ quan có chức năng giáo dục tư tưởng trong toàn xã hội; có khả năng học tập để nâng cao trình độ ở những bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

+ Được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và những quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác tư tưởng, văn hóa và khoa giáo.

+ Có sự hiểu biết nhất định về những quan điểm, tư tưởng khác nhau và kiến thức văn hoá tổng hợp, nhất là kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, về thế giới hiện đại, về đất nước, xã hội, con người Việt Nam trên các phương diện lịch sử, truyền thống, tâm lý, văn hoá...

+ Có kiến thức tổng hợp về khoa học chính trị, bao gồm: tư tưởng, hệ tư tưởng chính trị, các thể chế chính trị, công nghệ chính trị, phương pháp, công cụ thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị quốc tế...

+ Nắm vững bản chất, quy luật, các bộ phận, yếu tố cấu thành, các lĩnh vực công tác tư tưởng; quy trình tiến hành công tác tư tưởng, văn hóa và khoa giáo; chức năng, nguyên tắc,

nội dung, phương thức quản lý nhà nước các hoạt động tư tưởng, văn hóa.

- Về kỹ năng

+ Tự tin và thành thực các phương pháp tuyên truyền, diễn giảng, soạn thảo và xử lý các loại văn bản về công tác tư tưởng.

+ Nắm vững quy trình và thành thạo các thao tác trong hướng dẫn, triển khai, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập lý luận chính trị cho các loại đối tượng; nghiên cứu, biên soạn, giáo dục lịch sử Đảng ở địa phương; thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và quản lý các lĩnh vực: dân tộc, tôn giáo, văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản và các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

+ Bước đầu biết quản lý và sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động văn hóa văn nghệ trong quá trình tiến hành công tác tư tưởng, đặc biệt là quy trình, phương thức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp hoạt động của các cơ quan thông tin - giáo dục - truyền thông.

+ Biết tổ chức hoạt động nghiên cứu các vấn đề tư tưởng, chính trị và triển khai việc nắm bắt, hướng dẫn dư luận xã hội, phát hiện, lý giải những khuynh hướng tư tưởng phát sinh trong các tầng lớp dân cư khác nhau; bước đầu biết sử dụng các phương pháp đấu tranh với quan điểm tư tưởng sai trái, thù địch.

- Về phẩm chất chính trị, đạo đức

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta.

+ Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có dũng khí đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều; chống các quan điểm sai trái, phản động và tệ nạn xã hội.

+ Có phong cách làm việc dân chủ và khả năng đối thoại với quần chúng. Có văn hoá trong ứng xử, giao tiếp, biết lôi cuốn quần chúng tham gia vào các hoạt động tư tưởng, văn hóa của Đảng.

+ Trung thực và thẳng thắn, khiêm tốn và giản dị, gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm, có quan điểm quần chúng đúng đắn; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, yêu nghề.

- Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

+ Cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp; cơ quan tuyên huấn, chính trị của lực lượng vũ trang.

+ Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học, giáo dục - đào tạo, y tế và các vấn đề xã hội ở trung ương và địa phương.

+ Cán bộ công tác đảng, công tác đoàn thể trong các doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.

+ Cán bộ, giảng viên các trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường chính trị tỉnh, thành phố; có thể giảng dạy lý luận chính trị và làm công tác chính trị tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông trong cả nước.

- Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu (tương đương 500 điểm TOEIC hoặc 450 điểm TOEFL hoặc 4.5 điểm IELTS).

- Trình độ Tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ A, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. Căn cứ xây dựng chương trình

2.1. Căn cứ thực tiễn

2.1.1 Chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

+ Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2016.

+ Chương trình đào tạo lý luận chính trị cao cấp - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2017.

+ Khung chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Chính trị học - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014.

2.1.2. Kết quả khảo sát

* *Khảo sát nhu cầu xã hội* năm 2017, bao gồm 100 phiếu điều tra và phỏng vấn sâu 12 trường hợp, bao gồm đối tượng là giảng viên, cán bộ lãnh đạo cơ quan tuyên giáo các tỉnh, sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang học tập ngành chính trị học tại trường. Kết quả khảo sát có 85,5% số người được xin ý kiến đồng ý với chương trình, 14,5% cơ bản đồng ý với chương trình nhưng đề nghị cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để chương trình đào tạo sát với đặc thù nghề nghiệp và tăng cường trang bị kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho người học.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo)

2.2. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

- *Kiến thức đại cương*

CDR1: Mô tả và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.

CDR2: Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành công tác tư tưởng.

CDR3: Vận dụng được các quy luật tâm lý con người, các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của công tác tư tưởng và quản lý hoạt động tư tưởng – văn hóa.

CDR4: Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và quản lý các lĩnh vực tư tưởng – văn hóa.

- *Kiến thức cơ sở ngành*

CDR5: Vận dụng được những phạm trù, quy luật thuộc khoa học chính trị về hoạt động lãnh đạo giành, giữ chính quyền tạo nền tảng kiến thức sâu rộng và tiền đề cần thiết để bổ sung kiến thức tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị khi có điều kiện.

CDR6: Kết nối được các tri thức liên ngành thuộc các lĩnh vực: chính trị, văn hóa, thông tin, truyền thông phục vụ quá trình quản lý và tác nghiệp các hoạt động tuyên truyền,

giáo dục chính trị, tư tưởng.

- Kiến thức ngành

CDR7: Hiểu và vận dụng được bản chất, những quy luật cơ bản của chính trị Việt Nam và thế giới, sự tác động tích cực và tiêu cực của các hệ tư tưởng, các luồng tư tưởng chính trị trong xã hội Việt Nam hiện nay.

CDR8: Xác định được quy trình của chính sách công, phân tích được các giá trị của văn hóa chính trị, đánh giá được các ưu thế, hạn chế của thể chế chính trị Việt Nam và quốc tế.

CDR9: Mô tả và vận dụng được bản chất, quy luật, nguyên tắc, các bộ phận, các yếu tố cấu thành công tác tư tưởng.

CDR10: Xác định được sự khác biệt về tâm lý của các đối tượng tuyên truyền, ưu thế và hạn chế của các phương tiện truyền thông. Hiểu và vận dụng các quy luật và phương pháp nghiên cứu, định hướng dư luận xã hội trong công tác tư tưởng.

CDR11: Đánh giá được ưu thế, hạn chế của bộ máy tiến hành công tác tư tưởng và vai trò của truyền thông trong chu trình chính sách.

CDR12: Vận dụng được các quan điểm, đường lối của Đảng, các đặc điểm của văn hóa vùng miền vào quá trình quản lý các hoạt động tư tưởng-văn hóa.

CDR13: Áp dụng được các lý thuyết về phân tích, chứng minh, tổ chức thực hiện và xử lý tình huống trong quá trình tuyên truyền bằng lời nói trực tiếp.

- Kiến thức chuyên ngành

CDR14: Nắm vững và vận dụng được các quan điểm, nguyên tắc, phương thức lãnh đạo, phương pháp quản lý các lĩnh vực thuộc công tác tuyên giáo: nghiên cứu và giáo dục lý luận chính trị; văn hóa, văn nghệ; báo chí, xuất bản; tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên; thông tin đối ngoại; dân tộc, tôn giáo; khoa học, công nghệ và môi trường; giáo dục, đào tạo và dạy nghề; các vấn đề xã hội.

CDR15: Hiểu và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, đặc điểm và quy trình soạn thảo văn bản công tác tư tưởng, xử lý tình huống công tác tư tưởng, phát ngôn và giao tiếp báo chí, tổ chức các sự kiện tư tưởng-văn hóa.

3.2. Kỹ năng

- Kỹ năng chung

CDR16: Có khả năng lĩnh hội các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, dự báo, phát hiện các vấn đề tư tưởng nảy sinh trong thực tiễn.

CDR17: Có khả năng khai thác thông tin, phân loại, phân tích, đánh giá, tổng hợp các loại thông tin cần thiết và hình thành được hướng xử lý vấn đề nảy sinh.

CDR18: Có năng lực tư duy tổng hợp, tư duy logic trong sử dụng thông tin, trình bày thông tin dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

- Kỹ năng chuyên biệt của ngành tuyên giáo

CDR19: Có khả năng tổ chức quản lý các hoạt động tư tưởng, văn hóa và khoa giáo.

CDR20: Thành thực các kỹ năng: phát biểu miệng, soạn thảo văn bản công tác tư tưởng, tổ chức nghiên cứu và giáo dục lý luận chính trị, sử dụng các phương pháp xã hội học để nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội, tuyên truyền-cổ động.

CDR21: Có khả năng tổ chức, triển khai nghiên cứu một công trình khoa học về lĩnh vực công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo.

CDR22: Thành thực các khâu, các bước trong quy trình xử lý các tình huống công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo phù hợp; đánh giá được hiệu quả của hoạt động tư tưởng, văn hóa, khoa giáo phù hợp với mục đích, yêu cầu thực tiễn đặt ra.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CDR23: Có kỹ năng tư duy sáng tạo, lập luận, phản biện vấn đề, tình huống cụ thể bằng các lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục; kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức.

CDR24: Có kỹ năng tự chủ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng làm việc nhóm.

CDR25: Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo; kỹ năng tìm hiểu, đánh giá bối cảnh tổ chức.

CDR26: Hội tụ đủ các phẩm chất đạo đức cá nhân trong sáng, có lối sống trong sạch, lành mạnh, biết sống và làm việc hòa đồng, hòa thuận với đồng nghiệp, mọi người xung quanh.

CDR27: Có thái độ làm việc, làm nghề nghiêm túc, tận tụy; có ý thức và khát vọng cống hiến trong công việc.

4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh).

6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh: Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Chính trị học, chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông, Trung học bổ túc trở lên; có kết quả xếp loại học lực trong từng năm học THPT đạt 6,0 trở lên; hạnh kiểm từng năm học THPT xếp loại Khá trở lên;

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính

quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

8. Thang điểm, cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	45
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	15 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	9 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/18 tín chỉ
- Tin học ứng dụng	3 tín chỉ
- Ngoại ngữ	12 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
- Kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/18 tín chỉ
- Kiến thức ngành	37 tín chỉ
+ Bắt buộc:	25 tín chỉ
+ Tự chọn:	9/27 tín chỉ
+ Kiến tập	3 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	21 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/24 tín chỉ
+ Thực tập:	3 tín chỉ

9.2. Khung chương trình cụ thể

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức giáo dục đại cương				45	
<i>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>				15	
1	TM01001	Triết học Mác - Lênin	Học phần giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống, những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, như: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	4,0 (3,0:1,0)	
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy tư bản, các loại hình tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền; quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, quan hệ phân phối, quan hệ kinh tế đối ngoại; nội dung, tác dụng của các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế hàng hóa và các vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hệ thống tri thức và phương pháp nghiên cứu lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội XHCN, liên minh giai cấp, dân chủ XHCN, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; CNXH hiện thực và mô hình XHCN trên thế giới hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng	2,0 (1,5:0,5)	

			giải phóng dân tộc, CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, ĐCS Việt Nam, nhà nước; đại đoàn kết; nhân văn, đạo đức, văn hóa.		
1.2. Khoa học xã hội và nhân văn				15	
<i>Bắt buộc</i>				<i>9</i>	
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự; những vấn đề phòng chống tham nhũng trong quản lý, kinh nghiệm, các biện pháp chủ yếu để phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
7	CT01001	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Những kiến thức cơ bản về hệ thống tư tưởng, quan điểm của Mác-Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh, ĐCS Việt Nam về Đảng và xây dựng Đảng; xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức; nguyên tắc, hệ thống tổ chức của Đảng; xây dựng đội ngũ đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, dân vận của Đảng; sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học: cách xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết, đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học; phương pháp luận và một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: lý luận cơ bản, diễn trình lịch sử, quá trình	2,0 (1,5:0,5)	

		Nam	giao lưu tiếp biến văn hóa, văn hóa môi trường, văn hóa sinh hoạt vật chất, sinh hoạt tinh thần và những quan điểm của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.		
11	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nền văn minh lớn của nhân loại trong tiến trình lịch sử: Ai cập cổ đại, Lưỡng Hà, Ả Rập cổ đại, Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc cổ đại, Phương Tây phục hưng, Phương Tây cận đại, Đông Nam Á... Tổng hợp những thành tựu văn minh của nhân loại và ảnh hưởng của chúng trong thời đại ngày nay.	2,0 (1,5:0,5)	
12	TM01003	Đạo đức học	Học phần đạo đức học Mác – Lênin cung cấp những kiến thức cơ bản của đạo đức học như quy luật hình thành phát triển của đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học, các phẩm chất đạo đức cá nhân và các giá trị đạo đức truyền thống. Trên cơ sở đó, người học rút ra ý nghĩa, bài học để vận dụng vào thực tiễn nhằm điều chỉnh suy nghĩ và hoạt động con người theo nguyên tắc hướng tới chân, thiện, mỹ.	2(1,5:0,5)	
13	TM01007	Lô gic học	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
14	TG01003	Lý luận dạy học đại học	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về Lý luận dạy học đại học: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Học viên sẽ thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.	2,0 (1,5:0,5)	
15	TG01006	Tâm lý học đại cương	Nội dung của học phần gồm 7 chương bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người, quy luật và các cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí của cá nhân. Đặc biệt, học phần này còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về khái niệm nhân cách, các thành tố trong cấu trúc nhân cách và con đường hình thành và phát triển nhân cách.	2,0 (1,5:0,5)	
16	ĐC01001	Tiếng Việt	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành	2(1,5:0,5)	

		thực hành	tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phân biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.		
17	QQ01002	Quan hệ công chúng	Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam; Môn học trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, những kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	2,0 (1,5:0,5)	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	Môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học, các phương pháp nghiên cứu và tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,0:1,0)	
1.3. Tin học				3	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Trang bị những hiểu biết cơ bản về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
1.4. Ngoại ngữ (chọn tiếng Anh hoặc tiếng Trung)				12/24	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	

22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
23	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán....Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
24	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
25	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				18	
<i>Bắt buộc</i>				<i>12</i>	
26	XD01004	Khoa học lãnh đạo	Nội dung học phần gồm: lược sử lãnh đạo; bản chất của hoạt động lãnh đạo; mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng lãnh đạo; các nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo; quy trình ban hành quyết sách và chấp hành quyết sách; khoa học về sử dụng con người và tư tưởng Hồ Chí Minh về	3(2,0:1,0)	

			dùng người; nghệ thuật thương thuyết, nghệ thuật lãnh đạo, rèn luyện phẩm chất và tác phong lãnh đạo, phương pháp đánh giá hiệu quả lãnh đạo.		
27	NP02001	Nhà nước và pháp luật	Nắm vững và vận dụng sáng tạo các vấn đề mang tính chất nguyên lý về nhà nước pháp quyền XHCN; Tổ chức phân công thực hiện quyền lực trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; Xây dựng và thực hiện pháp luật trong điều kiện hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
28	QT02001	Quan hệ quốc tế	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống về quan hệ quốc tế và mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, người học có thể nhận thức được tình hình quốc tế, có năng lực và bản lĩnh bảo vệ đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam	3,0 (2,0:1,0)	
29	TT02353	Truyền thông và vận động	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông bao gồm: khái niệm, các lý thuyết truyền thông, mô hình truyền thông, các yếu tố cấu thành hoạt động truyền thông, khái niệm và bản chất của vận động; truyền thông thay đổi hành vi; phương pháp xây dựng, duy trì và thực hiện kế hoạch truyền thông và vận động.	3,0 (2,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
30	CT02060	Hệ thống chính trị với quản lý xã hội	Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về chính trị nói chung và đi sâu vào hệ thống chính trị Việt Nam với tư cách là những thiết chế quyền lực trong lãnh đạo, quản lý xã hội theo định hướng của giai cấp cầm quyền vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.	3,0 (2,0:1,0)	
31	TT03569	Giao lưu và tiếp biến văn hóa	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về quy luật giao lưu tiếp biến văn hóa, các hình thức giao lưu tiếp biến văn hóa, điều kiện và cơ chế giao lưu tiếp biến văn hóa trong diễn trình lịch sử thế giới và cấu trúc văn hóa Việt Nam trong giao lưu tiếp biến với các nền văn hóa trên thế giới.	3,0 (2,0:1,0)	
32	QT02607	Thông tin đối ngoại Việt Nam	Môn học gồm những kiến thức cơ bản về Thông tin đối ngoại Việt Nam như Quan điểm đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về Thông tin đối ngoại; Nội dung, đối tượng, Phương châm, lực lượng...làm công tác thông tin đối ngoại; Các đối tượng tác động của	3(1,5:1,5)	

			Thông tin đối ngoại Việt nam; Vai trò và cách thức sử dụng các loại hình báo chí, truyền thông trong thông tin đối ngoại...		
33	QT02560	Địa chính trị thế giới	Trang bị tri thức cơ bản, về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới, giúp cho người học có cơ sở phân tích, giải thích các diễn biến chính trị trên nền của các yếu tố địa lý; sự ảnh hưởng tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển quốc gia, khu vực.	3,0 (2,0:1,0)	
34	XD02303	Các đảng chính trị trên thế giới	Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về các đảng chính trị trên thế giới như: Các khái niệm, quá trình hình thành đảng chính trị; đặc điểm đảng chính trị; điều kiện trở thành đảng cầm quyền; khảo sát công tác tổ chức và hoạt động của đảng chính trị hiện nay thông qua một số mô hình đảng chính trị cầm quyền tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ailen, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.	3,0 (2,0:1,0)	
35	KT02001	Quản lý kinh tế	Học phần gồm: Tổng quan về quản lý kinh tế và khoa học quản lý kinh tế; Chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế; công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định quản lý kinh tế; cán bộ quản lý kinh tế, làm cơ sở cho việc nắm bắt, đánh giá và giải quyết các vấn đề của thực tiễn quản lý kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
2.2. Kiến thức ngành				37	
Bắt buộc				28	
36	CT03062	Lịch sử tư tưởng chính trị	Học phần giúp cho người học kiến thức cơ bản về tư tưởng chính trị tiêu biểu của phương Đông, phương Tây, Việt Nam qua các thời đại: cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại. Nhận thức sâu sắc về giá trị chính trị - nhân văn, khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đấu tranh chống những trào lưu tư tưởng phản động.	3,0 (2,0:1,0)	
37	TT01006	Hệ tư tưởng học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các kiểu loại hệ tư tưởng giữ vai trò chi phối, thống trị các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử phát triển của xã hội: Hệ tư tưởng chiếm hữu nô lệ, Hệ tư tưởng phong kiến, Hệ tư tưởng tư sản, Hệ tư tưởng vô sản và tư tưởng nông dân, tiểu	2,0 (1,5:0,5)	

			tư sản.		
38	TT01007	Nguyên lý công tác tư tưởng	Học phần trang bị những kiến thức về công tác tư tưởng bao gồm: bản chất, hệ thống cấu trúc của công tác tư tưởng; nguyên tắc, phương châm công tác tư tưởng và đi sâu nghiên cứu vị trí, vai trò, mối quan hệ của các yếu tố: mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hiệu quả công tác tư tưởng; tính chất, nội dung, phương thức đấu tranh trên mặt trận tư tưởng.	3,0 (2,0:1,0)	
39	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng: bao gồm khái niệm, phân loại, cơ sở tâm lý sư phạm của phát biểu miệng; ngôn ngữ phát biểu miệng, các thao tác phân tích, chứng minh trong phát biểu miệng; các bước chuẩn bị và tiến hành phát biểu; phương pháp xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình phát biểu.	3,0 (2,0:1,0)	
40	TT02555	Văn hóa chính trị	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản thông qua các nội dung: khái niệm, cơ sở hình thành và vai trò của văn hóa chính trị; cấu trúc của văn hoá chính trị; văn hóa chính trị của một số quốc gia trên thế giới; văn hóa chính trị của Việt Nam; văn hóa Đảng; vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hình thành văn hóa chính trị.	3,0 (2,0:1,0)	
41	CT02059	Khoa học chính sách công	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách công và quy trình chính sách công, giúp sinh viên hiểu được đặc điểm và nội dung của từng giai đoạn trong quy trình chính sách và thực tế chính sách công ở Việt Nam hiện nay, vận dụng những kiến thức chung về chính sách công để nhận định thực trạng chính sách công ở Việt Nam hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
42	CT03064	Chính trị học phát triển	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các lý thuyết, mô hình phát triển; bản chất, nội dung của phát triển bền vững; vai trò của chính trị đối với phát triển bền vững; lý luận và chiến lược phát triển bền vững ở nước ta.	3,0 (2,0:1,0)	
	CT02053	Quyền lực chính trị	Trang bị cho người học những tri thức, những qui luật, tính qui luật giành, giữ, tổ chức, thực thi và kiểm soát quyền lực chính trị, tập trung ở	3,0 (2,0:1,0)	

43			quyền lực nhà nước.		
44	TT02052	Thực tế chính trị - xã hội	Học phần tổ chức cho sinh viên tiếp cận tình hình chính trị - xã hội và hoạt động của hệ thống chính trị ở các địa phương. Sinh viên được tổ chức thành các nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách học phần, nghe giới thiệu, trực tiếp quan sát hoạt động của hệ thống chính trị và tình hình kinh tế- xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị.	2,0 (0:2,0)	
45	TT03374	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần tổ chức cho sinh viên tiếp cận thực tiễn công tác tuyên giáo ở ban tuyên giáo cấp tỉnh, huyện, cơ sở và tương đương, bao gồm thời gian kiến tập ở ban tuyên giáo cấp tỉnh 01 tuần, cấp huyện 02 tuần và cấp cơ sở 01 tuần.	3,0 (0,5:2,5)	
<i>Tự chọn</i>				9/27	
46	TT02061	Tâm lý học truyền thông	Môn học cung cấp các tri thức bao gồm: Khái niệm, bản chất, quy luật tâm lý trong truyền thông nói chung và tuyên truyền nói riêng. Tâm lý của các đối tượng truyền thông: trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, doanh nhân, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số. Kỹ năng nắm bắt và vận dụng các đặc điểm tâm lý đối tượng trong truyền thông.	3,0 (2,0:1,0)	
47	TT02062	Tổ chức và hoạt động của ban tuyên giáo	Môn học cung cấp các tri thức về tổ chức biên chế, chức năng, nhiệm vụ của ban tuyên giáo từ trung ương đến cơ sở; các biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo; quản lý và sử dụng cơ sở vật chất của công tác tuyên giáo; quy trình kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác tuyên giáo.	3,0 (2,0:1,0)	
48	TT02063	Đường lối văn hóa của Đảng	Học phần trang bị những tri thức về quá trình hình thành và phát triển đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng. Trong đó đi sâu giới thiệu các quan điểm của Đảng về văn hóa trong đề cương Văn hóa Việt Nam 1943, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) và Nghị quyết 33 của Hội nghị Trung ương 9 (Khóa XI).	3,0 (2,0:1,0)	
49	TT02064	Văn hóa vùng và các vùng văn hóa Việt	Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về văn hóa vùng và các vùng văn hóa Việt Nam như: khái niệm văn hóa vùng, cấu trúc văn hóa vùng, cách phân loại các vùng văn hóa Việt Nam và đặc điểm của một	3,0 (2,0:1,0)	

		Nam	số vùng văn hóa cơ bản ở Việt Nam: Đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Đông Nam bộ...		
50	TT02065	Truyền thông trong chu trình chính sách công	Học phần trang bị cho người học: khái niệm, bản chất, vai trò, đặc điểm và các khâu, các bước trong chu trình chính sách. Đi sâu nghiên cứu vai trò của truyền thông trong quá trình xây dựng chính sách; vai trò của truyền thông trong quá trình ban hành chính sách, vai trò của truyền thông trong quá trình triển khai thực hiện chính sách và vai trò của truyền thông trong đánh giá chính sách.	3,0 (2,0:1,0)	
51	TT02066	Truyền thông đại chúng đương đại	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản của truyền thông đại chúng hiện đại. Các xu thế phát triển của truyền thông đại chúng và các phương tiện truyền thông mới. Thực hành tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông cho các phương tiện truyền thông đại chúng và phương tiện truyền thông mới như truyền thông Internet, truyền thông xã hội,...	3,0 (2,0:1,0)	
52	CT02054	Thể chế chính trị thế giới đương đại	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại, kiến thức sâu về những thể chế chính trị điển hình ở một số nước trên thế giới thời kỳ hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
53	CT03017	Hệ thống chính trị và quy trình chính sách	Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan, cơ bản về hệ thống chính trị và quy trình chính sách công thông qua việc tìm hiểu sự tham gia của các thành tố trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị là Đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội – các nhóm lợi ích vào quy trình chính sách công ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Từ đó giúp học viên có những đánh giá khách quan và khoa học về thực trạng quy trình chính sách công ở các quốc gia cũng như ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
54	CT03040	Vận động hành lang	Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan, cơ bản về vận động hành lang và công nghệ vận động hành lang, từ đó giúp người học hiểu rõ hơn về vận động hành lang như một công nghệ trong chính trị với đầy đủ những nội dung cơ bản của nó, tìm hiểu công nghệ vận động hành lang ở một số quốc gia tiêu biểu cũng như xu hướng vận động và phát	3,0 (2,0:1,0)	

			triển của công nghệ này trong thời gian tới.		
2.3. Kiến thức chuyên ngành				30	
<i>Bắt buộc</i>				24	
55	TT03077	Dur luận xã hội	Trang bị cho người học những nội dung sau: khái niệm, bản chất, đặc điểm, vai trò của dư luận xã hội; quá trình hình thành và biến đổi của dư luận xã hội; mối quan hệ giữa truyền thông và dư luận xã hội; các nguyên tắc và phương pháp nắm bắt dư luận xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
56	TT03384	Tuyên truyền - cổ động	Học phần cung cấp cho người học cơ sở lý luận về công tác tuyên truyền - cổ động, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tuyên truyền - cổ động; kiến thức và kỹ năng tuyên truyền các lĩnh vực cụ thể, như: chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật, an ninh quốc phòng, điển hình tiên tiến và các biện pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền trong tình hình hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
57	TT03078	Nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản, hệ thống về công tác nghiên cứu và giáo dục lý luận chính trị, phương pháp nghiên cứu lý luận chính trị, quy trình triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học chính trị, một số phương pháp giáo dục lý luận chính trị và kỹ năng soạn một bài giảng lý luận chính trị.	3,0 (2,0:1,0)	
58	TT03079	Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng, văn hóa	Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; các kiến thức và kỹ năng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Mác-Lênin, hoạt động báo cáo viên, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động báo chí, xuất bản và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động tư tưởng hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
59	TT03386	Các thể loại phát biểu miệng	Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về 3 thể loại đặc thù của phát biểu miệng gồm: giới thiệu nghị quyết báo cáo chuyên đề và nói chuyện thời sự và. Người học được thực hành các thao tác chuẩn bị và tiến hành phát biểu 3 thể loại nói trên.	3,0 (0,5:2,5)	
60	TT03375	<i>Thực tập cuối khóa</i>	Học phần dành thời gian cho sinh viên thâm nhập sâu vào thực tiễn công tác tuyên giáo ở Ban tuyên giáo cấp tỉnh, huyện, cơ sở và tương đương bao gồm thời gian thực tập ở ban tuyên giáo cấp tỉnh 01 tuần, cấp huyện	3,0 (0,5:2,5)	

			04 tuần và cấp cơ sở 03 tuần. Người học trực tiếp tiến hành một số công việc chuyên môn, đối chiếu kết quả thực hiện với mục tiêu của chương trình đào tạo để xác định kế hoạch học tập, phấn đấu của cá nhân.		
61	TT04008	Khóa luận	Người học vận dụng kiến thức đã tích lũy trong toàn khóa học, ứng dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn trong phạm vi chuyên ngành đào tạo và trình bày dưới dạng một đề tài khoa học.	6,0 (0,5:5,5)	
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>					
62	TT02070	Xử lý tình huống công tác tư tưởng	Học phần trang bị cho người học: khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc của tình huống công tác tư tưởng và những kiến thức, kỹ năng trong xử lý các tình huống công tác tư tưởng, bao gồm: điểm nóng chính trị, mất đoàn kết nội bộ, suy thoái tư tưởng chính trị, truyền đạo trái pháp luật và thiên tai thảm họa.	3,0 (1,0:2,0)	
63	TT02071	Soạn thảo văn bản công tác tư tưởng	Học phần trang bị kiến thức về ngôn ngữ văn phong và kỹ thuật soạn thảo các văn bản thông dụng thường dùng trong công tác tư tưởng của Đảng như: nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, đề án và các kỹ năng để giải quyết các công việc một cách hiệu quả thông qua công cụ làm việc là các loại văn bản.	3,0 (1,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/24	
64	TT03080	Lãnh đạo, quản lý giáo dục, khoa học và môi trường	Cung cấp cho học viên những hiểu biết về <i>Quản lý giáo dục, khoa học và công nghệ</i> : nghiên cứu cơ sở lý luận của quản lý giáo dục, khoa học và công nghệ; nghiên cứu quá trình hình thành nền giáo dục và khoa học, công nghệ Việt Nam; nghiên cứu vấn đề quản lý giáo dục, khoa học và công nghệ ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
65	TT03081	Lãnh đạo, quản lý các vấn đề xã hội	Học phần quản lý các vấn đề xã hội được xây dựng nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về các lĩnh vực: y tế, dân số, trẻ em, thể dục- thể thao và hình thành kỹ năng để họ có thể vận dụng chăm sóc sức khỏe cho chính bản thân, gia đình và góp phần thiết thực phát triển các lĩnh vực đó.	3,0 (2,0:1,0)	
66	TT03082	Lịch sử công tác tư tưởng	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, khái quát về quá trình hình thành, phát triển, những thành tựu to lớn và những	3,0 (2,0:1,0)	

		của Đảng Cộng sản Việt Nam	bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến năm 2012.		
67	QQ03482	Quản trị thương hiệu	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả.	3,0 (1,5:1,5)	
68	TT03075	Phát ngôn và giao tiếp báo chí	Tri thức và kỹ năng về phát ngôn: khái niệm, vai trò, thể loại phát ngôn; ngôn ngữ, thái độ phát ngôn, sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ trong phát ngôn báo chí. Tri thức và kỹ năng giao tiếp báo chí: khái niệm, vai trò của báo chí trong TTCS, kỹ năng cung cấp thông tin, tổ chức họp báo, viết thông cáo báo chí, kỹ năng đối thoại, trả lời phỏng vấn báo chí...	3,0 (2,0:1,0)	
69	QQ03466	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0:2,0)	
70	BC03915	Sản phẩm truyền thông số	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông số và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm truyền thông trên nền tảng công nghệ hiện đại.	3,0 (1,0:2,0)	
71	BC03904	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng với 3 loại hình sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, sản xuất sản phẩm truyền thông	3,0 (1,0:2,0)	

	đại chúng	nghe nhìn, sản xuất sản phẩm truyền thông số.		
--	-----------	---	--	--

9.3. Ma trận kỹ năng chuẩn đầu ra chương trình

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																										
		Kiến thức									Kỹ năng									Năng lực tự chủ								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	TM01001	1															2	2					2	2	2	2	2	
2	KT01001	1															2	2					2	2	2	2	2	
3	CN01001	1															2	2					2	2	2	2	2	
4	TH01001	1															2	2					2	2	2	2	2	
5	LS01001	1															2	2					2	2	2	2	2	
6	NP01001	1	2														2	2					2	2	2	2	2	
7	CT01001	1	2					1									2	2					2	2	2	2	2	
8	XD01001	1	2														2	2					2	2	2	2	2	
9	TG01004			2													2	2					2	2	2	2	2	
10	TT01002		1														2	2					2	2	2	2	2	
11	TT01001		1														2	2					2	2	2	2	2	
12	TM01003		1														2	2					2	2	2	2	2	
13	TM01007			2													2	2					2	2	2	2	2	
14	TG01003			2													2	2					2	2	2	2	2	
15	TG01006			2													2	2					2	2	2	2	2	
16	ĐC01001				2												2	2					2	2	2	2	2	
17	QQ01002			2													2	2					2	2	2	2	2	
18	XH01001		2	2													2	2					2	2	2	2	2	
19	ĐC01005				2												2	2					2	2	2	2	2	
20	NN01015				2												2	2					2	2	2	2	2	
21	NN01016				2												2	2					2	2	2	2	2	

22	NN01017				2													2	2						2	2	2	2	2	
23	NN01019				2														2	2						2	2	2	2	2
24	NN01020				2														2	2						2	2	2	2	2
25	NN01021				2														2	2						2	2	2	2	2
26	XD01004					1	1												2	2						2	2	2	2	2
27	NP02001					1	1												2	2						2	2	2	2	2
28	QT02001					1	1												2	2						2	2	2	2	2
29	TT02353						2			2	2								2	2						2	2	2	2	2
30	CT02060					1	1	1											2	2						2	2	2	2	2
31	TT03569						1												2	2						2	2	2	2	2
32	QT02607					1	1												2	2						2	2	2	2	2
33	QT02560					1	1	1	1										2	2						2	2	2	2	2
34	XD02303					1	1	1	1										2	2						2	2	2	2	2
35	KT02001					1	1												2	2						2	2	2	2	2
36	CT03062							2											2	2						2	2	2	2	2
37	TT01006							2											2	2						2	2	2	2	2
38	TT01007								2		2								2	2						2	2	2	2	2
39	TT02366				2										2				2	2			2			2	2	2	2	2
40	TT02555							1	1										2	2						2	2	2	2	2
41	CT02059							1	1										2	2						2	2	2	2	2
42	CT03064							1	1										2	2						2	2	2	2	2
43	CT02053							1											2	2						2	2	2	2	2
44	TT02060									2	2				2				2	2						2	2	2	2	2
45	TT03374		2	2	2		2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			2			2	2	2	2	2
46	TT02061			2						2									2	2						2	2	2	2	2
47	TT02062								2		2								2	2						2	2	2	2	2
48	TT02063		1	1											1				2	2						2	2	2	2	2
49	TT02064		1	1											1				2	2						2	2	2	2	2
50	TT02065								1	1	1								2	2						2	2	2	2	2

51	TT02066								1	1	1						2	2					2	2	2	2	2
52	CT02054							1	1								2	2					2	2	2	2	2
53	CT03017							1	1			1					2	2					2	2	2	2	2
54	CT03040							1									2	2					2	2	2	2	2
55	TT03077										2			2		2	2	2		2		2	2	2	2	2	2
56	TT03384									2				2		2	2	2		2		2	2	2	2	2	2
57	TT03078									2				2		2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2
58	TT03079													2		2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2
59	TT03386				2									2	2		2	2	2		2		2	2	2	2	2
60	TT03080													2		2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2
61	TT03081													2		2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2
62	TT03082									2				2			2	2					2	2	2	2	2
63	QQ03482														2		2	2					2	2	2	2	2
64	TT03075														2		2	2					2	2	2	2	2
65	QQ03466														2		2	2					2	2	2	2	2
66	BC03915														2		2	2					2	2	2	2	2
67	BC03904														2		2	2					2	2	2	2	2
68	TT03375	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
69	TT04008	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
70	TT02070														2	2	2	2					2	2	2	2	2
71	TT02071														2	2	2	2					2	2	2	2	2

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Kế hoạch học tập

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							8
				1	2	3	4	5	6	7	
1	TM01001	Triết học Mác – Lênin	4.0	*							
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3.0	*							
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3.0	*							
4	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	*							
5	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0	*							
6	NP01001	Pháp luật đại cương	2.0	*							
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2.0		*						
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2.0		*						
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu KHXH và NV	2.0		*						
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0		*						
11	TT01001	Lịch sử văn minh thế giới	2.0		*						
12	TM01003	Đạo đức học	2.0		*						
13	TM01007	Lô gic học	2.0		*						
14	TG01003	Lý luận dạy học đại học	2.0		*						
15	TG01006	Tâm lý học đại cương	2.0		*						
16	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2.0		*						
17	QQ01002	Quan hệ công chúng	2.0		*						
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2.0		*						
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3.0		*						
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	3.0	*							
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	3.0		*						
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	3.0			*					
23	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	3.0	*							
24	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	3.0		*						
25	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	3.0			*					
26	XD01004	Khoa học lãnh đạo	3.0			*					
27	NP02001	Nhà nước và pháp luật	3.0			*					
28	QT02001	Quan hệ quốc tế	3.0			*					
29	TT02353	Truyền thông và vận động	3.0			*					
30	CT02060	Hệ thống chính trị với quản lý xã hội	3.0			*					
31	TT03569	Giao lưu và tiếp biến văn hóa	3.0			*					
32	QT02607	Thông tin đối ngoại Việt Nam	3.0			*					
33	QT02560	Địa chính trị thế giới	3.0			*					
34	XD02303	Các đảng chính trị trên thế giới	3.0			*					

35	KT02001	Quản lý kinh tế	3.0			*					
36	CT03062	Lịch sử tư tưởng chính trị	3.0			*					
37	TT01006	Hệ tư tưởng học	2.0			*					
38	TT01007	Nguyên lý công tác tư tưởng	3.0			*					
39	TT02366	Nghệ thuật phát biểu miệng	3.0				*				
40	TT02555	Văn hóa chính trị	3.0				*				
41	CT02059	Khoa học chính sách công	3.0				*				
42	CT03064	Chính trị học phát triển	3.0					*			
43	CT02053	Quyền lực chính trị	3.0					*			
44	TT02060	Thực tế chính trị - xã hội	2.0						*		
45	TT03374	Kiến tập	3.0						*		
46	TT02061	Tâm lý học truyền thông	3.0					*			
47	TT02062	Tổ chức và hoạt động của ban tuyên giáo	3.0						*		
48	TT02063	Đường lối văn hóa của Đảng	3.0						*		
49	TT02064	Văn hóa vùng và các vùng văn hóa Việt Nam	3.0						*		
50	TT02065	Truyền thông trong chu trình chính sách công	3.0						*		
51	TT02066	Truyền thông đại chúng đương đại	3.0						*		
52	CT02054	Thế chế chính trị thế giới đương đại	3.0						*		
53	CT03017	Hệ thống chính trị và quy trình chính sách	3.0						*		
54	CT03040	Vận động hành lang	3.0						*		
55	TT03077	Dur luận xã hội	3.0						*		
56	TT03384	Tuyên truyền - cổ động	3.0						*		
57	TT03078	Nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị	3.0							*	
58	TT03079	Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa	3.0							*	
59	TT03386	Các thể loại phát biểu miệng	3.0					*	*		
60	TT03080	Lãnh đạo, quản lý giáo dục, khoa học và môi trường	3.0							*	
61	TT03081	Lãnh đạo, quản lý các vấn đề xã hội	3.0							*	

62	TT03082	Lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0							*	
63	QQ03482	Quản trị thương hiệu	3.0							*	
64	TT03075	Phát ngôn và giao tiếp báo chí	3.0							*	
65	QQ03466	Tổ chức sự kiện	3.0							*	
66	BC03915	Sản phẩm truyền thông số	3.0							*	
67	BC03904	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3.0							*	
68	TT03375	Thực tập nghề nghiệp	3.0								*
69	TT04008	Khóa luận tốt nghiệp	6.0								*
70	TT02070	Xử lý tình huống công tác tư tưởng	3.0								*
71	TT02071	Soạn thảo văn bản công tác tư tưởng	3.0								*

10.2. Phạm vi áp dụng

- Chương trình được áp dụng đối với hệ đào tạo chính quy tập trung và hệ vừa làm vừa học, từ năm học 2018-2019.

- Trong giai đoạn chuyển tiếp (năm học 2018-2021), học viên từ các khóa trước chuyển tiếp xuống khóa sau được công nhận các học phần tương đương, học phần thay thế.

TT	Học phần	Tương đương hoặc thay thế	Ghi chú
1	Nguyên lý công tác tư tưởng (I)	Nguyên lý công tác tư tưởng	Thay thế
2	Nguyên lý công tác tư tưởng (II)	Tổ chức và hoạt động của ban tuyên giáo	Thay thế
3	Cơ sở lý luận tuyên truyền	Tuyên truyền – cổ động	Thay thế
4	Thông tin cổ động	Tuyên truyền – cổ động	Thay thế
5	Tâm lý học tuyên truyền	Tâm lý học truyền thông	Thay thế
6	Quản lý giáo dục, khoa học và môi trường	Lãnh đạo, quản lý giáo dục, khoa học và môi trường	Tương đương
7	Quản lý các vấn đề xã hội	Lãnh đạo, quản lý các vấn đề xã hội	Tương đương
8	Nghiên cứu xã hội học trong lĩnh vực tư tưởng – văn hóa	Dur luận xã hội	Tương đương
9	Quản lý hoạt động tư tưởng	Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa	Tương đương
10	Lý luận và đường lối văn hóa của Đảng	- Lý luận văn hóa - Đường lối văn hóa của Đảng	Tương đương

10.3. Các điều kiện áp dụng

** Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo*

+ Phòng thực hành phát biểu miệng được trang bị máy quay phim, máy chiếu, âm thanh và các thiết bị chuyên dụng.

+ Để tăng cường thực tế và gắn với đặc thù nghề nghiệp là công tác tuyên giáo, mỗi khóa sinh viên đều được tổ chức đi kiến tập, thực tập ở các cơ quan tuyên giáo địa phương. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Học viện về thủ tục, giấy tờ khi liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên và sự đóng góp của sinh viên.

** Về đội ngũ giảng viên:* Yêu cầu phải có đội ngũ giảng viên bảo đảm đúng theo tỷ lệ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và phải có ít nhất 01 năm làm công tác tuyên giáo ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

** Về thư viện:* phải có các loại sách và tạp chí về khoa học chính trị; tác phẩm kinh điển, các văn kiện của Đảng, tài liệu về công tác tư tưởng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, Tạp chí Tuyên giáo, Tạp chí Báo cáo viên.

10.4. Kế hoạch điều chỉnh chương trình

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Trương Ngọc Nam